

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

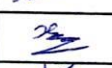
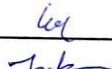
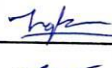
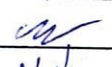
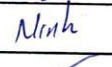
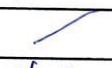
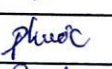
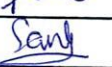
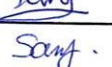
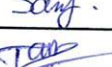
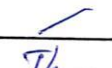
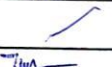
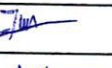
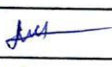
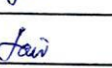
Ngày thi: 31/5/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X0CB

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040069	Trần Quốc An	11/02/2005	C25CK2		6,0	Sáu Không	
2	2310040039	Trần Hoàng Hiệp	09/06/2005	C25CK2		5,0	Năm Không	
3	2310040065	Lưu Đức Huy	06/01/2005	C25CK2		5,0	Năm Không	L2
4	2310040074	Nguyễn Mạnh Hùng	20/05/2005	C25CK2		5,0	Năm Không	L2
5	2310040060	Võ Minh Kha	07/07/2005	C25CK2		4,0	Bốn Không	
6	2310040038	Hồ Văn Tấn Lộc	30/09/2005	C25CK2		2,0	Hai Không	L2
7	2310040048	Nguyễn Ngọc Luân	02/10/2005	C25CK2		8,0	Tám Không	
8	2310040042	Ngô Triệu Anh Minh	15/09/2003	C25CK2		5,0	Năm Không	
9	2310040035	Trần Nhật Minh	20/08/2005	C25CK2		5,5	Năm Năm	
10	2310040079	Trần Minh Phúc	19/11/2004	C25CK2				VF2
11	2310040045	Nguyễn Thành Phước	04/01/2005	C25CK2		5,5	Năm Năm	
12	2310040044	Nguyễn Văn Sang	12/03/2005	C25CK2		7,0	Bảy Không	
13	2310040052	Trịnh Phú Sang	31/08/2005	C25CK2		6,0	Sáu Không	
14	2310040036	Trần Chí Tâm	07/03/2005	C25CK2		6,5	Sáu Năm	
15	2310040070	Đặng Nguyễn Duy Tân	04/12/2005	C25CK2				L2
16	2310040067	Đoàn Tấn Thành	23/08/2005	C25CK2		7,0	Bảy Không	L2
17	2310040046	Phạm Bình Thuận	30/06/2005	C25CK2				L2
18	2310040018	Nguyễn Minh Tiến	23/11/2005	C25CK2		5,5	Năm Năm	
19	2310040051	Nguyễn Trung Tính	31/07/2005	C25CK2		6,5	Sáu Năm	
20	2310040053	Phan Thanh Toàn	10/09/2005	C25CK2		5,5	Năm Năm	L2
21	2310040071	Bùi Minh Tới	02/03/2005	C25CK2		5,5	Năm Năm	
22	2310040059	Nguyễn Kim Trà	26/01/2005	C25CK2		5,0	Năm Không	
23	2310040056	Nguyễn Ngọc Trí	25/03/2005	C25CK2				L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 19 vắng thi: 04. Số bài thi: 19 / 19.

Ngày: 31 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 31 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS N T N Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 31/5/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X ĐCB

Giám thị 1: TU T N Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	<u>4,0</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm Năm</u>	<u>L2</u>
2	2210040073	Lý Văn Huỳnh	01/01/2004	C24CK3	<u>[Signature]</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm Năm</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày: 31 tháng 5 năm 2025

Ngày: 31 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Văn Dũng

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS NG T N Hoa

KHAOTP

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Giám thị 1: N T N H R Ký tên: N T N H R

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 27/5/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X ĐCB

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040033	Nguyễn Mạnh Cường		22/02/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	
2	2310040014	Võ Nhựt Duy		03/04/2005	C25CK1	<u>Duy</u>	6,5	Sáu Năm	
3	2310040023	Đỗ Tấn Đạt		09/12/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy Không	
4	2310040024	Đoàn Minh Hải		24/05/2005	C25CK1	<u>Hải</u>	5,5	Năm Năm	
5	2310040026	Nguyễn Lạc Hùng		07/09/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm Năm	
6	2310040004	Lê Tuấn Linh		15/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	
7	2310040003	Nguyễn Nhật Linh		09/09/2004	C25CK1	<u>Linh</u>	6,5	Sáu Năm	
8	2310040020	Cao Hoàng Năng		25/03/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy Không	
9	2310040011	Trần Sơn Bảo Ngọc		18/11/2004	C25CK1	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm Không	
10	2310040016	Võ Phước Nguyên		17/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	
11	2310040028	Trần Chí Nguyễn		09/01/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	
12	2310040007	Lê Huỳnh Thanh Nhã		30/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	4,0	Bốn Không	
13	2310040034	Nguyễn Lương Nhấn		06/06/2005	C25CK1	<u>Nhấn</u>	6,5	Sáu Năm	
14	2310040029	Son Pôn Nhia		04/01/2004	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	
15	2310040055	Thái Quốc Quang		22/10/2005	C25CK1	<u>Quang</u>	5,5	Năm Năm	
16	2310040001	Ngô Minh Riêm		01/11/2000	C25CK1	<u>Riêm</u>	6,5	Sáu Năm	
17	2310040021	Nguyễn Ngọc Sang		10/08/2005	C25CK1	<u>Sang</u>	8,0	Tám Không	
18	2310040032	Trần Anh Tài		26/12/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm Không	
19	2310040005	Võ Tấn Thành		12/06/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm Năm	
20	2310010088	Trần Phú Thiên		22/07/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm Không	
21	2310040006	Nguyễn Chánh Hùng Thiện		11/09/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	
22	2310040076	Nguyễn Trần Anh Tuấn		03/02/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm Năm	
23	2310040010	Trần Thế Vinh		10/05/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy Không	
24	2310040015	Lê Minh Vương		19/06/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu Không	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày...24 tháng...5 năm...2024

Ngày...24 tháng...5 năm...2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng


ThS Nguyễn Thị Ngọc Hoa

KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 14/6/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X ĐCB

Giám thị 1: N T N Hoa Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040069	Trần Quốc An	11/02/2005	C25CK2		6,5	Sầu Nam	
2	2310040039	Trần Hoàng Hiệp	09/06/2005	C25CK2		5,5	Nam Nam	
3	2310040065	Lưu Đức Huy	06/01/2005	C25CK2		6,0	Sầu Khỏi	L2
4	2310040074	Nguyễn Mạnh Hùng	20/05/2005	C25CK2		5,0	Nam Khỏi	L2
5	2310040060	Võ Minh Kha	07/07/2005	C25CK2		5,5	Nam Nam	
6	2310040038	Hồ Văn Tấn Lộc	30/09/2005	C25CK2		4,0	Bớt Khỏi	L2
7	2310040048	Nguyễn Ngọc Luân	02/10/2005	C25CK2		6,5	Sầu Nam	
8	2310040042	Ngô Triệu Anh Minh	15/09/2003	C25CK2		5,0	Nam Khỏi	
9	2310040035	Trần Nhựt Minh	20/08/2005	C25CK2		5,0	Nam Khỏi	
10	2310040079	Trần Minh Phúc	19/11/2004	C25CK2				L2
11	2310040045	Nguyễn Thành Phước	04/01/2005	C25CK2		6,0	Sầu Khỏi	
12	2310040044	Nguyễn Văn Sang	12/03/2005	C25CK2		6,0	Sầu Khỏi	
13	2310040052	Trịnh Phú Sang	31/08/2005	C25CK2		6,5	Sầu Nam	
14	2310040036	Trần Chí Tâm	07/03/2005	C25CK2		7,0	Bảy Khỏi	
15	2310040070	Đặng Nguyễn Duy Tân	04/12/2005	C25CK2				L2
16	2310040067	Đoàn Tấn Thành	23/08/2005	C25CK2		7,0	Bảy Khỏi	L2
17	2310040046	Phạm Bình Thuận	30/06/2005	C25CK2				L2
18	2310040018	Nguyễn Minh Tiến	23/11/2005	C25CK2		5,0	Nam Khỏi	
19	2310040051	Nguyễn Trung Tính	31/07/2005	C25CK2		7,5	Bảy Nam	
20	2310040053	Phan Thanh Toàn	10/09/2005	C25CK2		5,0	Nam Khỏi	L2
21	2310040071	Bùi Minh Tới	02/03/2005	C25CK2		5,0	Nam Khỏi	
22	2310040059	Nguyễn Kim Trà	26/01/2005	C25CK2		5,5	Nam Nam	
23	2310040056	Nguyễn Ngọc Trí	25/03/2005	C25CK2				L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 04 . Số bài thi: 19 / 19 .

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

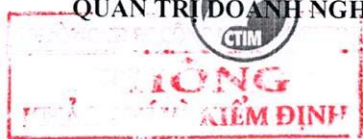
ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 14/6/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X ĐCB

Giám thị 1: N.T.N Hoa Ký tên: N.T.N Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	<u>Hải</u>	5,5	Năm Năm	L2
2	2210040073	Lý Văn Huỳnh	01/01/2004	C24CK3	<u>Huỳnh</u>	5,0	Năm Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 Số bài thi: 02 / 02

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

N.T.N Hoa
Th.S N.T.N Nguyễn Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 20/5/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X.ĐCB

Giám thị 1: N.T.N Hoa Ký tên: N.T.N Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040033	Nguyễn Mạnh Cường	22/02/2005	C25CK1	<u>Cường</u>	5,5	Năm Năm	
2	2310040014	Võ Nhựt Duy	03/04/2005	C25CK1	<u>Duy</u>	6,5	Sau Năm	
3	2310040023	Đỗ Tấn Đạt	09/12/2005	C25CK1	<u>Đạt</u>	6,0	Sau Không	
4	2310040024	Đoàn Minh Hải	24/05/2005	C25CK1	<u>Hải</u>	5,0	Năm Không	
5	2310040026	Nguyễn Lạc Hùng	07/09/2005	C25CK1	<u>Hùng</u>	5,0	Năm Không	
6	2310040004	Lê Tuấn Linh	15/04/2005	C25CK1	<u>Linh</u>	6,5	Sau Năm	
7	2310040003	Nguyễn Nhật Linh	09/09/2004	C25CK1	<u>Linh</u>	5,5	Năm Năm	
8	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005	C25CK1	<u>Năng</u>	6,0	Sau Không	
9	2310040011	Trần Sơn Bảo Ngọc	18/11/2004	C25CK1	<u>Ngọc</u>	5,5	Năm Năm	
10	2310040016	Võ Phước Nguyên	17/04/2005	C25CK1	<u>Nguyên</u>	5,0	Năm Không	
11	2310040028	Trần Chí Nguyễn	09/01/2005	C25CK1	<u>Nguyễn</u>	6,5	Sau Năm	
12	2310040007	Lê Huỳnh Thanh Nhã	30/04/2005	C25CK1	<u>Nhã</u>	6,0	Sau Không	
13	2310040034	Nguyễn Lương Nhân	06/06/2005	C25CK1	<u>Nhân</u>	5,5	Năm Năm	
14	2310040029	Son Pôn Nhia	04/01/2004	C25CK1	<u>Nhia</u>	5,5	Năm Năm	
15	2310040055	Thái Quốc Quang	22/10/2005	C25CK1	<u>Quang</u>	6,5	Sau Năm	
16	2310040001	Ngô Minh Riêm	01/11/2000	C25CK1	<u>Riêm</u>	6,0	Sau Không	
17	2310040021	Nguyễn Ngọc Sang	10/08/2005	C25CK1	<u>Sang</u>	8,5	Sau Năm	
18	2310040032	Trần Anh Tài	26/12/2005	C25CK1	<u>Tài</u>	6,0	Sau Không	
19	2310040005	Võ Tấn Thành	12/06/2005	C25CK1	<u>Thành</u>	5,0	Năm Không	
20	2310010088	Trần Phú Thiên	22/07/2005	C25CK1	<u>Thiên</u>	6,0	Sau Không	
21	2310040006	Nguyễn Chánh Hùng Thiện	11/09/2005	C25CK1	<u>Thiện</u>	5,5	Năm Năm	
22	2310040076	Nguyễn Trần Anh Tuấn	03/02/2005	C25CK1	<u>Tuấn</u>	6,0	Sau Không	
23	2310040010	Trần Thế Vinh	10/05/2005	C25CK1	<u>Vinh</u>	6,0	Sau Không	
24	2310040015	Lê Minh Vương	19/06/2005	C25CK1	<u>Vương</u>	4,5	Bỏ Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 10 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS Ngô Thị Nguyệt Hòa

3N

KHA

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày thi: 15/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: Xưởng điện cơ
bảnGiám thị 1: N T N HoaKý tên: N T N HoaGiám thị 2: Cao Thế VinhKý tên: Cao Thế VinhGiám thị 3: P. V. DũngKý tên: P. V. Dũng

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310040011	Trần Sơn Bảo	Ngọc	18/11/2004	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảy không	C25CK1
2	2310040016	Võ Phước	Nguyên	17/04/2005	<u>[Chữ ký]</u>		4,0	Bốn không	C25CK1
3	2310040028	Trần Chí	Nguyễn	09/01/2005	<u>[Chữ ký]</u>		8,0	Tám không	C25CK1
4	2310040007	Lê Huỳnh Thanh	Nhã	30/04/2005	<u>[Chữ ký]</u>		6,5	Sáu Năm	C25CK1
5	2310040034	Nguyễn Lương	Nhấn	06/06/2005	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sáu không	C25CK1
6	2310040029	Sơn Pôn	Nhia	04/01/2004	<u>[Chữ ký]</u>		4,0	Một không	C25CK1
7	2310040055	Thái Quốc	Quang	22/10/2005	<u>[Chữ ký]</u>		5,5	Năm Năm	C25CK1
8	2310040001	Ngô Minh	Riêm	01/11/2000	<u>[Chữ ký]</u>		5,5	Năm Năm	C25CK1

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 08 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 08 / 08 .Số sinh viên đạt: 07 Tỷ lệ đạt: 90 %Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: N.T.N. Hoa

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: P.V. Dũng Ký tên: P.V. Dũng

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 15/07/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310040021	Nguyễn Ngọc Sang	10/08/2005	<u>Sang</u>		8,0	Tam không	C25CK1	
2	2310040032	Trần Anh Tài	26/12/2005	<u>Tài</u>		5,5	Năm Năm	C25CK1	
3	2310040005	Võ Tấn Thành	12/06/2005	<u>Thành</u>		7,5	Bảy Năm	C25CK1	
4	2310010088	Trần Phú Thiên	22/07/2005	<u>Thiên</u>		6,0	Sáu không	C25CK1	
5	2310040006	Nguyễn Chánh Hùng	11/09/2005	<u>Hùng</u>		6,0	Sáu không	C25CK1	
6	2310040076	Nguyễn Trần Anh Tuấn	03/02/2005	<u>Tuấn</u>		7,0	Bảy không	C25CK1	
7	2310040010	Trần Thế Vinh	10/05/2005	<u>Vinh</u>		7,5	Bảy Năm	C25CK1	
8	2310040015	Lê Minh Vương	19/06/2005	<u>Vương</u>		4,0	Một không	C25CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 08 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 08 / 08Số sinh viên đạt: 07 Tỷ lệ đạt: 90 %Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn DũngNgày: 15 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

PHÒNG KHẢO THI VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Giám thị 1: NTN HoaKý tên: NTN Hoa

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: P. V. DũngKý tên: P. V. Dũng

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 16/07/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040073	Lý Văn Huỳnh	01/01/2004	<u>Ngh</u>		4,0	Bốn không	C24CK3	
2	2310040052	Trịnh Phú Sang	31/08/2005	<u>Soy</u>		8,5	Tám năm	C25CK2	
3	2310040036	Trần Chí Tâm	07/03/2005	<u>Tam</u>		8,0	Tám không	C25CK2	
4	2310040067	Đoàn Tấn Thành	23/08/2005	<u>Tb</u>		5,5	Năm năm	C25CK2	
5	2310040018	Nguyễn Minh Tiến	23/11/2005	<u>Tin</u>		4,0	Bốn không	C25CK2	
6	2310040051	Nguyễn Trung Tính	31/07/2005	<u>Tu</u>		8,0	Tám không	C25CK2	
7	2310040071	Bùi Minh Tới	02/03/2005	<u>Bo</u>		0,5	Không năm	C25CK2	
8	2310040059	Nguyễn Kim Trà	26/01/2005	<u>TR</u>		4,0	Bốn không	C25CK2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 08 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 08 / 08Số sinh viên đạt: 07 Tỷ lệ đạt: 90 %Ngày: 16 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn DũngNgày: 16 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Giám thị 1: M T N HoaKý tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: P. V. DũngKý tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 16/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310040069	Trần Quốc An	11/02/2005			8,0	Tám không	C25CK2	
2	2310040039	Trần Hoàng Hiệp	09/06/2005			6,5	Sáu năm	C25CK2	
3	2310040060	Võ Minh Kha	07/07/2005			6,0	Sáu không	C25CK2	
4	2310040048	Nguyễn Ngọc Luân	02/10/2005			8,5	Tám năm	C25CK2	
5	2310040042	Ngô Triệu Anh Minh	15/09/2003			4,5	Bốn năm	C25CK2	
6	2310040035	Trần Nhựt Minh	20/08/2005			4,0	Bốn không	C25CK2	
7	2310040045	Nguyễn Thành Phước	04/01/2005			8,0	Tám không	C25CK2	
8	2310040044	Nguyễn Văn Sang	12/03/2005			8,0	Tám không	C25CK2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 08 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 08 / 08Số sinh viên đạt: 08 Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày: 16 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 16 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐC CÔNG NGHỆ &
QUẢN LÝ ĐOÀN NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện trong máy cắt kim loại - MH1102144

Giám thị 1: N.T.N. HoaKý tên: [Signature]

Mã lớp học phần: 24311MH110214401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: P.V. DũngKý tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 15/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310040033	Nguyễn Mạnh Cường	22/02/2005	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu Năm	C25CK1	
2	2310040014	Võ Nhật Duy	03/04/2005	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu Năm	C25CK1	
3	2310040023	Đỗ Tấn Đạt	09/12/2005	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu Năm	C25CK1	
4	2310040024	Đoàn Minh Hải	24/05/2005	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu Năm	C25CK1	
5	2310040026	Nguyễn Lạc Hùng	07/09/2005	<u>[Signature]</u>		4,0	Bốn Năm	C25CK1	
6	2310040004	Lê Tuấn Linh	15/04/2005	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu Năm	C25CK1	
7	2310040003	Nguyễn Nhật Linh	09/09/2004	<u>[Signature]</u>		4,0	Bốn Năm	C25CK1	
8	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005	<u>[Signature]</u>		1,0	Một Năm	C25CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 08 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 08 / 08Số sinh viên đạt: 07 Tỷ lệ đạt: 90 %Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa